

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24

## CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

#### **Thông tin về Công ty**

Công ty được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Công ty In Khoa học Kỹ thuật theo Quyết định số 5800/QĐ-BVHTT ngày 08 tháng 07 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0103013792 ngày 14 tháng 09 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính đặt tại: 101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

#### **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

*Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:*

Ông Chu Thế Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thành Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên HĐQT
Bà Nguyễn Lê Trà My	Ủy viên HĐQT
Bà Phan Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT

*Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:*

Ông Nguyễn Thành Sơn	Giám đốc
Ông Vũ Quốc Toàn	Phó Giám đốc
Bà Vũ Quế Anh	Phó Giám đốc
Bà Vũ Thị Hưng	Kế toán trưởng

*Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:*

Bà Đỗ Thị Hạnh	Trưởng ban
Bà Đào Hương Lan	Thành viên
Ông Đỗ Xuân Phúc	Thành viên

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

#### **Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Thành Sơn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2018.

Số: ~~0207~~2018/BCKT – VNASC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật**

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được lập ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần 4 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận của các khoản công nợ người mua trả tiền trước, đồng thời chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu của khách hàng với giá trị là 340.752.123 đồng. Các thủ tục thay thế khác chưa đem lại cho chúng tôi các cơ sở hợp lý để đưa ra ý kiến về các khoản mục công nợ nêu trên.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017:

- a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017; và
- b) Phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 04 (bốn) bộ bằng tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật giữ 03 (ba) bộ, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC giữ 01 (một) bộ.

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2018  
**Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC**



---

**Nguyễn Văn Quý**  
Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
số: 3364 - 2015 - 123 - 1

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Yên Bình'.

---

**Lê Thị Yên Bình**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
số: 3990 - 2017 - 123 - 1

MẪU B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.610.205.505</b>	<b>8.921.627.518</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>343.742.737</b>	<b>442.159.653</b>
1. Tiền	111	5	343.742.737	442.159.653
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.474.127.123</b>	<b>2.479.698.933</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	1.258.705.766	2.542.161.471
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7.1	11.000.000	11.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	329.421.357	51.537.462
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9.1	(125.000.000)	(125.000.000)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>3.707.896.336</b>	<b>5.328.417.902</b>
1. Hàng tồn kho	141	10.1	3.707.896.336	5.328.417.902
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.084.439.309</b>	<b>671.351.030</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.1	60.341.530	21.591.213
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		95.188.316	200.924.234
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.2	928.909.463	448.835.583
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.570.602.179</b>	<b>15.069.755.268</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>27.722.454</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	8.2	-	27.722.454
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.909.803.836</b>	<b>10.849.138.468</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	10.909.803.836	10.849.138.468
- Nguyên giá	222		25.491.102.977	25.425.775.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.581.299.141)	(14.576.636.641)
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	13	<b>3.574.428.660</b>	<b>3.405.153.672</b>
- Nguyên giá	231		5.482.089.930	5.115.367.552
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.907.661.270)	(1.710.213.880)
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>621.454.545</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14.2	-	621.454.545
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>86.369.683</b>	<b>166.286.129</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.2	86.369.683	166.286.129
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>21.180.807.684</b>	<b>23.991.382.786</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	31/12/2016
1	2	3	4	5
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.257.162.467</b>	<b>7.140.146.856</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.062.717.251</b>	<b>6.219.171.736</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15.1	2.652.352.874	5.114.386.127
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16.1	90.092.190	89.092.190
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.1	49.980.086	138.541.548
4. Phải trả người lao động	314		493.271.962	247.951.386
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18.1	8.500.000	275.418.083
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19.1	68.263.638	65.654.545
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.1	117.525.845	75.876.219
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21.1	293.585.873	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		289.144.783	212.251.638
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>194.445.216</b>	<b>920.975.120</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	20.2	194.445.216	975.120
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21.2	-	920.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.923.645.217</b>	<b>16.851.235.930</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	22	<b>16.923.645.217</b>	<b>16.851.235.930</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22.a	15.710.000.000	15.710.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		309.397.035	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	309.397.035
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22.b	904.248.182	831.838.895
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)</b>	<b>440</b>		<b>21.180.807.684</b>	<b>23.991.382.786</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hưng



Nguyễn Thanh Sơn



MẪU B02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	16.993.760.829	15.763.724.689
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	16.993.760.829	15.763.724.689
4. Giá vốn hàng bán	11	24	12.594.918.366	11.764.112.973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.398.842.463	3.999.611.716
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.042.251	7.874.872
7. Chi phí tài chính	22	26	98.912.222	28.010.280
Trong đó: chi phí lãi vay	23		95.322.626	27.264.376
8. Chi phí bán hàng	25	27.1	227.218.238	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.2	3.022.962.211	3.243.866.502
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.052.792.043	735.609.806
11. Thu nhập khác	31	28	273.882.937	368.415.774
12. Chi phí khác	32	28	165.440.342	42.500.489
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	108.442.595	325.915.285
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.161.234.638	1.061.525.091
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	256.986.456	229.686.196
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		904.248.182	831.838.895
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	576	529

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hưng



Nguyễn Thành Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Năm 2017**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14.773.165.730	13.510.124.339
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(6.392.211.299)	(6.587.491.980)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.769.172.246)	(2.639.045.056)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		(110.240.709)	(12.346.293)
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(344.533.010)	(347.894.352)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		283.860.840	115.706.997
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.230.531.615)	(4.137.944.454)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.210.337.691</b>	<b>(98.890.799)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(57.552.604)	(43.573.655)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.042.251	7.874.872
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(54.510.353)</b>	<b>(35.698.783)</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3	Tiền thu từ đi vay	33		867.250.093	920.000.000
4	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.493.664.220)	(415.001.460)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(627.830.127)	(537.674.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.254.244.254)</b>	<b>(32.675.460)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(98.416.916)</b>	<b>(167.265.042)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>442.159.653</b>	<b>609.424.695</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>343.742.737</b>	<b>442.159.653</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hưng

Giám đốc



Nguyễn Thành Sơn

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn:

Công ty được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Công ty In Khoa học kỹ thuật theo Quyết định số 5800/QĐ-BVHTT ngày 08 tháng 07 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0103013792 ngày 14 tháng 09 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần 6 số 0100111754 ngày 23 tháng 04 năm 2013 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở đặt tại: 101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tổng vốn điều lệ: **15.710.000.000 VND** (Mười lăm tỷ, bảy trăm mười triệu đồng chẵn).

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất in ấn.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh:

Cho thuê nhà, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Dịch vụ chế bản điện tử và các dịch vụ thương mại khác theo quy định của pháp luật; Kinh doanh mua bán các loại vật tư thiết bị phục vụ trong ngành in; Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị ngành in; In các loại sách báo, tạp chí, văn hoá phẩm, tem nhãn, bao bì, các biểu mẫu thống kê, giấy tờ và các tài liệu phục vụ công tác quản lý kinh tế, quản lý hành chính theo đúng quy định của pháp luật;

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Công ty có chu kỳ kinh doanh 12 tháng.

#### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

#### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

### 4.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán thành phẩm, tiền gia công hàng hoá cho đơn vị khác; Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Tại ngày 31/12/2017 Công ty có trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty được đánh giá theo chi phí nguyên liệu chính của sản phẩm.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành tương đương.

Tại ngày 31/12/2017 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- o Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- o Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- o Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>Năm nay</b> (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	50
Máy móc, thiết bị	06 – 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị dụng cụ, quản lý	05 – 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**4.7 Bất động sản đầu tư và khấu hao**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà, một phần của nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

- Tòa nhà điều hành 5 tầng (1500 m2) tại số 101 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội.
- Tòa nhà 3 tầng (118,5 m2) tại số 101 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Tòa nhà 120 (196 m2) Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.
- 209 m2 nhà 4 tầng (4255 m2) Phía cổng Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Nhà 4 tầng (106,8m2) Phía cổng Ngô Tất Tố phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Nhà 4 tầng (45m2) Phía cổng Ngô Tất Tố phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Năm nay</u> (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	50

**4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: Chi phí công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng cho thuê được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 02 năm đến 03 năm. Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**4.10 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về tiền đặt cọc đồng phục của người lao động, tiền trợ cấp ốm đau thai sản của bảo hiểm xã hội cho người lao động, các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Tại ngày 31/12/2017 Công ty không trích lập dự phòng phải trả.

### 4.11 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

### 4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

### 4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay; chi phí phải trả cho người bán, trích trước chi phí tiền lương, trong đó:

### 4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của Chủ sở hữu, được ghi nhận theo số vốn thực góp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi (lỗ) sau thuế TNDN và tình hình xử lý lãi (lỗ) của Công ty.

### 4.15 Doanh thu và thu nhập khác

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu gia công***

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm: Lãi tiền gửi, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thu nhập khác** phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

**4.16 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm: Giá thành sản xuất của sản phẩm, giá vốn của khấu hao bất động sản đầu tư.

**4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa của kỳ kế toán, bao gồm: Chi phí chào hàng, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác

**4.18 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**5 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	44.885.704	59.824.175
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	298.857.033	382.335.478
<b>Cộng</b>	<b>343.742.737</b>	<b>442.159.653</b>

**6 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>6.1 Ngắn hạn</b>	<b>1.258.705.766</b>	<b>2.542.161.471</b>
Công ty Bao bì Phú Hưng: Nhãn Đậu Xanh	85.286.426	85.286.426
Tạp chí Bờ và Biển: Tạp Chí	83.443.000	83.443.000
Tạp chí Biển Việt Nam: Tạp Chí	29.508.000	29.508.000
Công ty TNHH Đào Trọng: Sách	8.243.800	8.243.800
Công ty Quảng cáo Ánh Sáng: In Báo cáo	31.750.000	31.750.000
Nhà sách Bách Quyên: Sách	20.446.000	20.446.000
Công ty Cổ phần Phát hành sách KHKT: Văn bản	15.347.840	15.347.840
CN NXB Hà Nội - Xí nghiệp In và Dịch vụ Thương mại	125.000.000	125.000.000
Xí nghiệp Giấy Đạt Tiến Lê	29.712.800	29.712.800
Xí nghiệp In báo Nhi đồng	29.057.055	29.057.055
Công ty In và Sản xuất Bao bì Hà Nội	7.957.202	7.957.202
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	-	14.548.000
Nhà Xuất bản Phụ Nữ	-	178.700.000
Tạp chí Con đường xanh	19.844.000	-
Công ty TNHH KPMG	25.025.000	-
NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật	34.124.998	-
Công ty TNHH KPMG	25.025.000	-
Công ty TNHH Tài Tâm	590.574.000	41.250.000
Công ty TNHH Bao Bì Duy Quân	-	40.524.000
Công ty TNHH Sản xuất và công nghiệp PP	3.143.052	60.621.000
Công ty Cổ phần Truyền thông và dịch vụ TM - LT	17.760.000	71.500.000
Lê Thị Bằng	-	30.088.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và PT Giáo dục Hà Nội	-	458.775.800
Công ty Cổ phần Sách và thiết bị giáo dục Miền Bắc	-	299.460
Tổng công ty Điện Lực Hà Nội	5.610.000	998.250.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	63.267.593	181.853.088
Chi nhánh Công ty luật TNHH KPMG tại Hà Nội	8.580.000	-

**7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>7.1 Ngắn hạn</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm Toán VNASC	11.000.000	11.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***8 PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
	Giá trị	Giá trị
<b>8.1 Ngắn hạn</b>	<b>329.421.357</b>	<b>51.537.462</b>
Phải thu khác	21.906.533	-
Phải trả phải nộp khác dự Nợ 338	301.514.824	44.537.462
<i>Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc</i>	12.486.934	9.007.770
<i>Óm đau thai sản</i>	-	2.964.481
<i>Thu BHXH 11,5%</i>	27.040.181	27.342.055
<i>Thu các Công ty thuê nhà</i>	6.950.913	5.223.156
<i>Tiền lãi do chậm nộp tiền thuê đất</i>	255.036.796	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>7.000.000</b>
<b>8.2 Dài hạn</b>	-	<b>27.722.454</b>
<i>Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội</i>	-	23.540.379
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội</i>	-	4.182.075

**9 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
<b>9.1 Ngắn hạn</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>(125.000.000)</b>	<b>(135.000.000)</b>
Hoàn nhập dự phòng	-	10.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(125.000.000)</b>	<b>(125.000.000)</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu của khách hàng	(125.000.000)	(125.000.000)

**10 HÀNG TỒN KHO****10.1 Hàng tồn kho**

	31/12/2017		31/12/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.747.835.071	-	2.533.835.136	-
Công cụ, dụng cụ	16.572.751	-	3.105.490	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.943.488.514	-	2.791.477.276	-
<b>Cộng</b>	<b>3.707.896.336</b>	<b>-</b>	<b>5.328.417.902</b>	<b>-</b>

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
<b>11.1 Ngắn hạn</b>	<b>60.341.530</b>	<b>21.591.213</b>
Công cụ, dụng cụ	60.341.530	21.591.213
<b>11.2 Dài hạn</b>	<b>86.369.683</b>	<b>166.286.129</b>
Công cụ, dụng cụ	86.369.683	166.286.129

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***MẪU B09 - DN****12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	9.774.284.627	14.645.414.225	890.208.857	115.867.400	25.425.775.109
Tăng trong năm	-	621.454.545	299.167.273	-	920.621.818
Mua sắm	-	621.454.545	299.167.273	-	920.621.818
Giảm trong năm	366.722.378	317.143.000	171.428.572	-	855.293.950
Chuyển sang BĐS đầu tư	366.722.378	-	-	-	366.722.378
Thanh lý, nhượng bán	-	317.143.000	171.428.572	-	488.571.572
<b>Số cuối năm</b>	<b>9.407.562.249</b>	<b>14.949.725.770</b>	<b>1.017.947.558</b>	<b>115.867.400</b>	<b>25.491.102.977</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	2.340.290.258	11.296.132.320	890.208.857	50.005.206	14.576.636.641
Tăng trong năm	190.098.423	360.027.072	24.930.606	7.930.740	582.986.841
Khấu hao trong năm	190.098.423	360.027.072	24.930.606	7.930.740	582.986.841
Giảm trong năm	89.752.769	317.143.000	171.428.572	-	578.324.341
Chuyển sang BĐS đầu tư	89.752.769	-	-	-	89.752.769
Thanh lý, nhượng bán	-	317.143.000	171.428.572	-	488.571.572
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.440.635.912</b>	<b>11.339.016.392</b>	<b>743.710.891</b>	<b>57.935.946</b>	<b>14.581.299.141</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	7.433.994.369	3.349.281.905	-	65.862.194	10.849.138.468
Số cuối năm	6.966.926.337	3.610.709.378	274.236.667	57.931.454	10.909.803.836

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ HH đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay là: 0 VND  
 Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 10.304.659.692 VND

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	5.115.367.552	366.722.378	-	5.482.089.930
Giá trị hao mòn lũy kế	1.710.213.880	197.447.390	-	1.907.661.270
Giá trị còn lại	3.405.153.672	169.274.988	-	3.574.428.660

## 14 TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

## 14.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày 01 tháng 01	621.454.545	-
Tăng trong năm	-	621.454.545
Giảm trong năm	621.454.545	-
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	-	621.454.545

(\*) Bao gồm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Máy vào bìa keo nhiệt	-	390.000.000
Máy khâu chỉ	-	195.000.000
Cước vận chuyển + công tháo lắp	-	36.454.545
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>621.454.545</b>

## 15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

## 15.1 Ngắn hạn

	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
<b>15.1 Ngắn hạn</b>	<b>2.652.352.874</b>	<b>5.114.386.127</b>
Công ty TNHH BB Duy Quân	10.965.941	15.431.783
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.586.837.445	1.756.488.477
Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại PP	47.321.798	54.694.374
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	1.510.552.848
Công ty TNHH Mạnh Hùng	323.026.642	648.502.034
Công ty Cổ phần SIC	20.635.450	300
Công ty TNHH Thành Thái	68.530.000	144.320.000
DNTN Nguyễn Xuân Hương	7.068.046	14.136.091
Công ty Cổ phần Hóa chất và TB An Hùng Minh	32.652.213	10.693.148
Công ty TNHH Thương mại An Thành	83.205.100	63.712.000
Công ty Cổ phần In Long Thịnh	-	434.500.000
Xí Nghiệp Giấy Long An	397.782.000	315.338.672
Công ty Cổ phần Đầu tư Giấy Hà Nội	-	146.016.400
Công ty TNHH CN Giấy và SX bao bì Ngọc Diệp	22.436.080	-
Công ty TNHH Công nghệ và Vật liệu in	1.469.600	-
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại PT công nghệ Xanh	16.541.800	-
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ HKV Việt Nam	9.570.000	-
Công ty TNHH in ảnh kỹ thuật số Lulu	2.310.759	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Đông Nam Á	22.000.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
<b>16.1 Ngắn hạn</b>	<b>90.092.190</b>	<b>89.092.190</b>
Công ty TNHH MTV DV bảo vệ An Hưng Phát	1.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hữu Việt	1.100.000	1.100.000
Phòng thị trường	763.950	763.950
Phạm Ngọc Sương	20.000.000	20.000.000
Công ty TNHH Nam Thanh	5.000.000	5.000.000
Phạm Ngọc Hà	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần in Hà Nội	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Văn hoá Đông A	1.234.000	1.234.000
Nhà XBĐH Sư phạm	45.575.240	45.575.240
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	13.419.000	13.419.000

**17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.937.044	256.986.456	344.533.010	46.390.490
Thuế thu nhập cá nhân	4.604.504	17.934.583	18.949.491	3.589.596
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	448.835.583	1.048.609.573	1.528.683.453	928.909.463
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>587.377.131</b>	<b>1.326.530.612</b>	<b>1.895.165.954</b>	<b>978.889.549</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>17.1 Phải nộp</b>	<b>138.541.548</b>	<b>277.921.039</b>	<b>366.482.501</b>	<b>49.980.086</b>
<b>17.2 Phải thu</b>	<b>448.835.583</b>	<b>1.048.609.573</b>	<b>1.528.683.453</b>	<b>928.909.463</b>

**18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
<b>18.1 Ngắn hạn</b>	<b>8.500.000</b>	<b>275.418.083</b>
Trích trước chi phí tiền lương	-	260.500.000
Chi phí phải trả	8.500.000	14.918.083

**19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
<b>19.1 Ngắn hạn</b>	<b>68.263.638</b>	<b>65.654.545</b>
Doanh thu từ cho thuê nhà	68.263.638	65.654.545

**20 PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
<b>20.1 Ngắn hạn</b>	<b>117.525.845</b>	<b>75.876.219</b>
Kinh phí công đoàn	10.170.713	25.448.219
Các khoản phải thu khác dư có	107.355.132	50.428.000
<b>20.2 Dài hạn</b>	<b>194.445.216</b>	<b>975.120</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	194.445.216	975.120

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

101A Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2017****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***MẪU B09 - DN****21 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>21.1 Ngắn hạn</b>				
Vay ngắn hạn	293.585.873	293.585.873	293.585.873	-
<b>21.2 Dài hạn</b>				
Vay dài hạn	-	-	-	920.000.000
<b>a. Các khoản vay</b>				
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển HN (*)	293.585.873	293.585.873	573.664.220	-
<b>Vay dài hạn cá nhân</b>				
Đỗ Thị Thu Trang	-	-	920.000.000	920.000.000
Lê Thị Hạnh	-	-	200.000.000	200.000.000
Nguyễn Kim Bằng	-	-	250.000.000	250.000.000
Phạm Thị Thu Hương	-	-	60.000.000	60.000.000
Phạm Văn Chuyên	-	-	210.000.000	210.000.000
Trần Thị Lan	-	-	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>293.585.873</b>	<b>293.585.873</b>	<b>1.493.664.220</b>	<b>920.000.000</b>

**Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn còn số dư tại 31/12/2017:**

(\*): Đây là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số hạn mức số 2017/135069/HĐHM ký ngày 20 tháng 10 năm 2017. Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh.. Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hiện tại đang áp dụng mức lãi suất 7,5%.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

## 22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	15.710.000.000	309.397.035	1.788.076.137	17.807.473.172
Tăng trong năm trước	-	-	831.838.895	831.838.895
Lãi trong năm trước	-	-	831.838.895	831.838.895
Giảm trong năm trước	-	-	(1.788.076.137)	(1.788.076.137)
Giảm khác	-	-	(1.788.076.137)	(1.788.076.137)
Số đầu năm nay	15.710.000.000	309.397.035	831.838.895	16.851.235.930
Tăng trong năm nay	-	-	904.248.182	904.248.182
Lãi trong năm nay	-	-	904.248.182	904.248.182
Giảm trong năm nay	-	-	(831.838.895)	(831.838.895)
Giảm khác	-	-	(831.838.895)	(831.838.895)
Số cuối năm nay	15.710.000.000	309.397.035	904.248.182	16.923.645.217

## a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp năm 2017	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Công ty CP Sách và TB trường học Hà Tây	0,00%	-	2.065.660.000
Tổng Công ty ĐT & KD vốn Nhà nước	50,97%	8.007.600.000	8.007.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	49,03%	7.702.400.000	5.636.740.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>15.710.000.000</b>	<b>15.710.000.000</b>

## b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	831.838.895	1.788.076.137
Tăng trong năm	904.248.182	831.838.895
Lợi nhuận tăng trong năm	904.248.182	831.838.895
Giảm trong năm	(831.838.895)	(1.788.076.137)
<i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	<i>(628.400.000)</i>	<i>(1.571.000.000)</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>(203.438.895)</i>	<i>(217.076.137)</i>
Số cuối năm	904.248.182	831.838.895

## 23 DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	15.818.184	11.490.912
Doanh thu bán thành phẩm	12.341.996.283	11.560.311.053
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.635.946.362	4.191.922.724
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>16.993.760.829</b>	<b>15.763.724.689</b>

## 24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.619.450	8.422.450
Giá vốn của thành phẩm đã bán	12.472.604.295	11.663.481.167
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	107.694.621	92.209.356
<b>Cộng</b>	<b>12.594.918.366</b>	<b>11.764.112.973</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.042.251	7.874.872
<b>Cộng</b>	<b>3.042.251</b>	<b>7.874.872</b>

**26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	95.322.626	27.264.376
Chi phí đi vay	3.589.596	745.904
<b>Cộng</b>	<b>98.912.222</b>	<b>28.010.280</b>

**27 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>27.1 Chi phí bán hàng</b>	<b>227.218.238</b>	-
Chi phí nhân viên bán hàng	96.845.055	-
Chi phí đồ dùng bán hàng	3.409.212	-
Chi phí KH bộ phận bán hàng	29.102.106	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.737.865	-
Chi phí bằng tiền khác	14.124.000	-
<b>27.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>3.022.962.211</b>	<b>3.243.866.502</b>
Chi phí nhân viên	1.164.188.287	1.244.474.704
Chi phí vật liệu	15.629.834	11.086.634
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.125.635	53.066.691
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.602.514	101.672.989
Thuế, phí, lệ phí	1.187.670.691	994.917.347
Chi phí dự phòng	-	(10.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	240.621.014	289.525.432
Chi phí bằng tiền khác	311.124.236	559.122.705

**28 LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý phế liệu	93.329.454	102.047.456
Thu nhập khác từ kiểm kê	85.135.722	264.453.226
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	56.181.818	-
Thu nhập khác	39.235.943	1.915.092
<b>Thu nhập khác</b>	<b>273.882.937</b>	<b>368.415.774</b>
Thanh toán công nhật phế liệu	38.704.500	25.194.600
Chi khác	120.718.818	1.830.364
Phạt nộp chậm tiền BHXH	6.017.024	15.475.525
<b>Chi phí khác</b>	<b>165.440.342</b>	<b>42.500.489</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>108.442.595</b>	<b>325.915.285</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.333.573.971	8.726.677.462
Chi phí nhân công	3.790.886.525	3.839.136.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	690.681.462	696.396.172
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.598.516.213	350.811.816
Chi phí khác	1.667.049.969	1.596.540.541
<b>Cộng</b>	<b>15.080.708.140</b>	<b>15.209.562.079</b>

**30 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)</b>	<b>1.161.234.638</b>	<b>1.061.525.091</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán</b>		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>123.697.644</i>	<i>86.905.889</i>
Phạt vi phạm hành chính về thuế	6.017.024	15.475.525
Chi phí hạch toán không đúng kỳ	35.650.620	69.600.000
Thù lao HĐQT và BKS	74.400.000	-
Chi phí không phục vụ hoạt động kinh doanh khác	7.630.000	1.830.364
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Lỗi năm trước chuyển sang (4)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)</b>	<b>1.284.932.282</b>	<b>1.148.430.980</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (9)=(7)+(8)</b>	<b>256.986.456</b>	<b>229.686.196</b>

**31 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	904.248.182	831.838.895
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ</b>	<b>904.248.182</b>	<b>831.838.895</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu	1.571.000	1.571.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)</b>	<b>576</b>	<b>529</b>

**32 THU NHẬP BAN GIÁM ĐỐC**

	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Nguyễn Thành Sơn	Giám đốc	75.337.143	68.816.778
Bà Phạm Thanh Phương	Phó Giám đốc	14.604.071	45.126.267
Bà Vũ Quế Anh	Phó Giám đốc	55.326.905	52.840.813
Ông Vũ Quốc Toàn	Phó Giám đốc	55.242.441	-
Ông Phạm Văn Hoan	Kế toán trưởng	39.026.012	54.402.754
Bà Vũ Thị Hưng	Kế toán trưởng	46.665.483	-
<b>Cộng</b>		<b>286.202.055</b>	<b>221.186.612</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**33 MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	31,21	37,19
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	68,79	62,81
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	20,10	29,76
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	79,90	70,24
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
<b>2.1 Khả năng thanh toán tổng quát</b> (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	4,98	3,36
<b>2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn</b> (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,55	1,25
<b>2.3 Khả năng thanh toán nhanh</b> (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,08	0,06
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	6,83	6,73
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	5,32	5,28
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	5,48	4,42

**34 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán VNASC và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

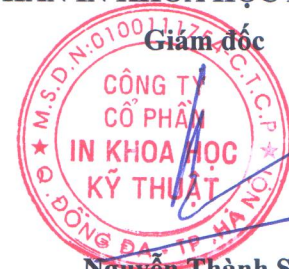
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHOA HỌC KỸ THUẬT**

**Kế toán trưởng**



**Vũ Thị Hưng**



**Nguyễn Thành Sơn**